

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG XUÂN HÒA
TRƯỜNG TH VÀ THCS SYDNEY

Số: 01/2025/BC-Sydney

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xuân Hòa, ngày 16 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường TH và THCS Sydney xây dựng Báo cáo thường niên năm học 2024 - 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney.

2. Địa chỉ, điện thoại, website

- Địa chỉ: 125 Trần Quốc Thảo, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (028) 777 666 88 - 0988 966 688
- Website: truongssydney.edu.vn

3. Loại hình, cơ quan quản lý trực tiếp

- Loại hình: Ngoài công lập.
- Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chung

4.1. Sứ mệnh

- Không ngừng phấn đấu, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh (đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, kỹ năng sống,...).
- Tạo dựng một môi trường sư phạm năng động, hiện đại để học sinh có cơ hội phát triển tiềm năng, từng bước trưởng thành từ nhận thức đến hành động.
- Triển khai chương trình học tập toàn diện trong một môi trường đa văn hóa, phù hợp với đam mê, tài năng của học sinh.



- Truyền cảm hứng để học sinh trở thành những công dân kỹ thuật số có trách nhiệm, có đạo đức, có khả năng học tập suốt đời, có ý thức để đóng góp tích cực cho xã hội.

4.2. Tầm nhìn

- Là một trong những ngôi trường được phụ huynh tin tưởng và lựa chọn.
- Xây dựng môi trường học thân thiện, học sinh tích cực; thực hiện đổi mới quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục, giúp học sinh phát triển toàn diện.
- Là bộ phận của những công dân số toàn cầu được trang bị đầy đủ tri thức, kỹ năng, thái độ và khả năng thích ứng linh hoạt.

4.3. Mục tiêu chung

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT) trong năm học 2025 - 2026 bảo đảm tính khoa học, sư phạm, khai thác tối đa hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị dạy học giúp học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.
- Thực hiện có hiệu quả dạy học 02 buổi/ngày.
- Tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác truyền thông.
- Tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục phổ thông, phát triển mạng lưới trường, lớp và bảo đảm cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.
- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục; bố trí đủ và nâng cao chất lượng cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên.
- Nâng cao hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Tập trung thực hiện nội dung từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo Kết luận 91- KL/TW ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị định số 222/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ.
- Tăng cường hội nhập quốc tế trong giáo dục và đào tạo; tiếp tục mở rộng mô hình trường thực hiện nội dung giáo dục chất lượng cao, tiên tiến, hội nhập khu vực và quốc tế trong giáo dục phổ thông.
- Đẩy mạnh chuyển đổi số, đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- Khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn. Xây dựng Lớp học số; kho học liệu số, bài giảng số các môn học và hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng và công khai chất lượng giáo dục, đẩy mạnh thực hiện mô hình “Trường học xanh, lớp học mở”. Xây dựng, phát triển mô hình “Trường học hạnh phúc”.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lí, quản trị trường học, thực hiện dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục; tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney được thành lập từ ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định số 137/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận 3, tọa lạc tại địa chỉ 04 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

- Sau đó, nhà trường được cho phép chuyển địa điểm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về cho phép thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney, tọa lạc tại địa chỉ 125 Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

6. Thông tin người đại diện nhà trường

- Họ và tên: Trần Thị Hồng Hà
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney, số 125 Trần Quốc Thảo, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 0903 163 484
- Email: hatran@siss.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập trường

- Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về cho phép thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney, tọa lạc tại địa chỉ 04 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

- Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về cho phép thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney, tọa lạc tại địa chỉ 125 Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

b) Quyết định công nhận Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Quyết định số 04/QĐ-GDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney đối với bà Trần Thị Hồng Hà.

- Quyết định số 136/QĐ-GDĐT ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney đối với bà Phạm Thị Yến.

- Quyết định số 26/QĐ-GDĐT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về việc công nhận Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney đối với bà Đào Ngọc Tâm.

c) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo nhà trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	Thư điện tử
1	Trần Thị Hồng Hà	Hiệu trưởng	0903163484	hatran@siss.edu.vn
2	Phạm Thị Yến	Phó Hiệu trưởng	0989113645	yenpht@siss.edu.vn
3	Đào Ngọc Tâm	Phó Hiệu trưởng	0347477273	tamdn@siss.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp				Bồi dưỡng hằng năm	
			TS	Th S	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Tốt	Kh á	Đạt	Chưa đạt	Hoàn thành	Không hoàn thành
	Tổng số GV, CBQL và nhân viên	26		1	24	1			21 (100%)				21 (100%)	
I	Giáo viên	18			17	1			18				18	
	Trong đó số GV dạy môn:								(100%)				(100%)	
1	GV tiểu học	6			6				6				6	
2	Toán	1			1				1				1	
3	Ngữ Văn	1			1				1				1	

[illegible]

	nghệ thông tin												
9	Nhân viên bảo vệ	1		1									
10	Nhân viên khác	1		1									

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Hạng mục công trình	Số lượng		Diện tích (m ²)
		Tổng số	Kiên cố	
1	Tổng diện tích đất (m ²)			862.9
2	Diện tích sân chơi, bãi tập			288
I	Khối phòng học tập			
1	Phòng học	26	26	1055.6 (40.6 m ² /phòng)
2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	02	02	92 (46 m ² /phòng)
3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	02	02	92 (46 m ² /phòng)
4	Phòng học bộ môn Tin học	01	01	40
5	Phòng học bộ môn Hóa học	01	01	46
6	Phòng học bộ môn Vật lý	01	01	46
7	Phòng học bộ môn Sinh vật	01	01	46
8	Phòng học bộ môn Công nghệ	01	01	46
II	Khối phòng hỗ trợ học tập			
1	Thư viện	01	01	168
2	Phòng thiết bị giáo dục	01	01	40.6
3	Nhà tập đa năng	01	01	288
4	Phòng y tế	01	01	40.6

III	Khối phòng hành chính quản trị			
1	Phòng hiệu trưởng	01	01	13.5
2	Phòng phó hiệu trưởng	01	01	10.6
3	Phòng giáo viên	01	01	40.6
4	Phòng họp	01	01	40.6
5	Văn phòng trường	01	01	15.4
IV	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)			
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	08		
1.1	Khối lớp 1	03		
1.2	Khối lớp 2	01		
1.3	Khối lớp 3	01		
1.4	Khối lớp 4	01		
1.5	Khối lớp 6	01		
1.6	Khối lớp 7	01		
1.7.	Khối lớp 8	01		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối còn thiếu so với quy định			
2.1	Khối lớp 1	0		
2.2	Khối lớp 2	0		
2.3	Khối lớp 3	0		
2.4	Khối lớp 4	0		
2.5	Khối lớp 6	0		
2.5	Khối lớp 7	0		
2.6	Khối lớp 8	0		

2.7	Khối lớp 1	0		
V	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25 bộ		
VI	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi	01		
2	Bảng tương tác	08		
3	Ipad	25		
4	Loa	01		
5	Máy chiếu	11		

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	383

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	8 324.8 m ²	120	2,7 m ²
XIII	Khu nội trú	-	-	-

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04	0	7/7	0	0,7 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	

XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

***Danh mục sách giáo khoa được phê duyệt:**

- Sách giáo khoa lớp 1:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1 (<i>Family and Friends</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 2:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 2	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (<i>Family and Friends</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 3:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

4	Tự nhiên và Xã hội 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục thể chất 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Mĩ thuật 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 3	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3 (<i>Family and Friends</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 4:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lý 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Tin học 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 4 (<i>Family and Friends</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 5:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lý 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục thể chất 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ thuật 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

10	Tin học 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 5	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 5 (<i>Family and Friends</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 6:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục công dân 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 6 (<i>Friends Plus – Student Book</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Âm nhạc 6	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 7:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục công dân 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 7 - Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 – Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 7 (<i>Friends Plus – Student Book</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Âm nhạc 7	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 8:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học tự nhiên 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục công dân 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 8 - Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8 – Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 8 (<i>Friends Plus – Student Book</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Âm nhạc 8	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

- Sách giáo khoa lớp 9:

TT	Tên sách	Bộ sách	Nhà xuất bản
1	Toán 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ Văn 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Khoa học tự nhiên 9	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Lịch sử và Địa lí 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Giáo dục công dân 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 9 - Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 – Bản 1	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
19	Tiếng Anh 9 (<i>Friends Plus – Student Book</i>)	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Âm nhạc 9	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên đồng thời nâng cao kết quả học tập của học sinh.

- Đánh giá ngoài: Năm học 2024 – 2025 là năm thứ hai nhà trường đi vào hoạt động nên chưa thực hiện công tác đánh giá ngoài.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Quy mô phát triển trường, lớp, học sinh

Khối	Đầu năm học		Cuối năm học		Bỏ học			Chuyển trường, học nghề	Tăng	Giảm
	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số HS	Tỉ lệ %	Nguyên nhân			
Khối Tiểu học										
1	1	18	1	18	0	0		0	0	0
2	2	37	2	37	0	0		0	0	0
3	1	7	1	7	0	0		0	0	0
4	1	13	1	13	0	0		0	0	0
Khối Trung học cơ sở										
6	1	14	1	14	0	0		1		1
7	1	25	1	24	0	0		0	0	0
8	1	10	1	9	0	0		0	0	0

2. Kết quả thực hiện năm học

2.1. Khối Tiểu học

a. Hạnh kiểm

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4
1	Năng lực chung					
1.1	Tự chủ và tự học	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	72 (96%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	10 (76,9%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	03 (4%)				03 (23,1%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					

1.2	Giao tiếp và Hợp tác	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	72 (96%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	10 (76,9%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	03 (4%)				03 (23,1%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
1.3	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	71 (94,7%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	09 (69,2%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	04 (5,3%)				04 (30,8%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Năng lực đặc thù					
2.1	Ngôn ngữ	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	71 (94,7%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	09 (69,2%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	04 (5,3%)				04 (30,8%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.2	Tính toán	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	72 (96%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	10 (76,9%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	03 (4%)				03 (23,1%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.3	Khoa học	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	73 (97,3%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	11 (84,6%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	02 (2,7%)				02 (15,4%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.4	Thẩm mỹ	75	18	37	07	13
	Tốt	75	18	37	07	13

	(tỷ lệ so với tổng số)	(100%)	(100%)	(100%)	(100%)	(100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.5	Thể chất	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.6	Tin học (Dành cho lớp 3,4,5)	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
2.7	Công nghệ (Dành cho lớp 3,4,5)	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
3.	Phẩm chất					
3.1	Yêu nước	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
3.2	Nhân ái	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)

	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
3.3	Chăm chỉ	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	11 (84,6%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					02 (15,4%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
3.4	Trung thực	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	13 (100%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					
3.5	Trách nhiệm	75	18	37	07	13
	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	75 (100%)	18 (100%)	37 (100%)	07 (100%)	12 (92,3%)
	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)					01 (7,7%)
	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)					

b. Kết quả học tập

Khối lớp	TSHS	Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
Lớp 1	18	11 (61,1%)	1 (5,6%)	6 (33,3%)	0
Lớp 2	37	26 (70,3%)	5 (13,5%)	6 (16,2%)	0
Lớp 3	7	3 (42,9%)	3 (42,9%)	1 (14,2%)	0
Lớp 4	13	4 (30,8%)	1 (7,7%)	8 (61,5%)	0
Tổng	75	44 (58,7%)	10 (13,3%)	21 (28%)	0

2.2. Khối Trung học cơ sở

a. Kết quả rèn luyện

Lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
6	14 100%			
7	24 100%			
8	9 100%			

b. Kết quả học tập

Lớp	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt
6	12 85,71%	2 14,29%		
7	18 75%	5 20,83%	1 4,17%	
8	5 55,56%	3 33,3%	1 11,1%	

2.3. Thống kê số lượng học sinh được lên lớp, không được lên lớp

Cấp học	Tiểu học	THCS
Số lượng học sinh được lên lớp	100%	100%
Số lượng học sinh không được lên lớp	0	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện thu chi tất cả các khoản theo đúng quy định và đúng nguyên tắc.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện tốt các kế hoạch đề ra trong năm học; Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018; Không ngừng nâng cao, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; Xây dựng đầy đủ các kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

2. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị nhà trường; Tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, quy tắc ứng xử văn hóa trường học, phòng chống bạo lực học đường... trong đội ngũ nhà giáo, học sinh theo quy định.

3. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học sinh; đẩy mạnh hoạt động chuyên đề, tổ chức trao đổi, chia sẻ

kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh.

4. Nhà trường tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm và hoạt động ngoại khóa nhằm tạo cho học sinh sân chơi lành mạnh đời thời giáo dục nhân cách học sinh; xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh, dân chủ, an toàn, chất lượng; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, ý thức giữ gìn môi trường xanh – sạch – đẹp, giáo dục ý thức, trách nhiệm của học sinh trong việc thực hiện nội quy của nhà trường.

5. Đạt được kết quả tốt về chất lượng giáo dục học sinh cuối năm học; Tiếp tục thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát theo quy định; Tổ chức các phong trào thi đua, khuyến khích khen thưởng học sinh đạt thành tích tốt trong năm học và giáo viên tích cực đổi mới và áp dụng phương pháp dạy học đạt hiệu quả cao trong giảng dạy.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024 - 2025 của Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney.

Nơi nhận

- Phòng GD&ĐT Quận 3 (để b/c);
- Website trường;
- Lưu: VT.



Trần Thị Hồng Hà

KẾ HOẠCH
CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
Năm học 2025 – 2026

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT và Thông tư số 19/2024/TT-BGDĐT;

Căn cứ Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Báo cáo tự đánh giá nhà trường năm học 2024 – 2025;

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhà trường năm học 2025 – 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để thực hiện trong năm học 2025 – 2026 nhằm đưa ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục.

- Kế hoạch phải cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương.

- Chuẩn bị điều kiện thực hiện Kiểm định chất lượng giáo dục.

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG:

- Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney được thành lập từ ngày 25 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định số 137/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận 3, tọa lạc tại địa chỉ 04 Nguyễn Thông, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3.

- Sau đó, nhà trường được cho phép chuyển địa điểm theo Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Quận 3 về cho phép thành lập Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Sydney, tọa lạc tại địa chỉ 125 Trần Quốc Thảo, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3 (nay thuộc Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh). Nhà trường nằm trong khu vực trung tâm của thành phố, nơi có mật độ dân cư cao, điều kiện về kinh tế, xã hội phát triển tốt.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đầy đủ, hiện đại, đáp ứng tốt cho việc dạy và học của giáo viên và học sinh theo chương trình GDPT 2018; Đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên trẻ, nhiệt tình, ham học hỏi.

1. Đặc điểm học sinh của trường

- Năm học 2025 - 2026 nhà trường có 11 lớp với tổng số học sinh là 142 học sinh (trong đó: 7 lớp khối tiểu học và 4 lớp khối THCS), cụ thể:

*Cấp Tiểu học

Thông tin	Tổng số	Lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
Tổng số lớp	07	02	01	02	01	01
Tổng số học sinh	92	29	13	34	08	08
Số học sinh học 2 buổi/ngày	92	29	13	34	08	08
Số học sinh học bán trú	92	29	13	34	08	08
Số học sinh học ngoại ngữ	92	29	13	34	08	08
Số học sinh học tin học	92	29	13	34	08	08

*Cấp Trung học cơ sở

Thông tin	Tổng số	Lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
Tổng số lớp	04	01	01	01	01
Tổng số học sinh	50	07	13	23	07
Số học sinh học 2 buổi/ngày	50	07	13	23	07
Số học sinh học bán trú	50	07	13	23	07
Số học sinh học ngoại ngữ	50	07	13	23	07
Số học sinh học tin học	50	07	13	23	07

2. Tình hình đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn. Tinh thần làm việc nghiêm túc, nhiệt tình, trách nhiệm.

Cụ thể:

Nhân sự		Tổng số	Trình độ đào tạo				Chia theo chế độ lao động	
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Trung cấp	Biên chế	Hợp đồng
Tổng số CB, GV, NV		27		01	25	01		27
Cán bộ quản lý	Tổng số	03		01	02			03
	Hiệu trưởng	01		01				01
	Phó Hiệu trưởng	02			02			02
Giáo viên	Tổng số	20			20			20
	Tiểu học	07			07			07
	Toán	01			01			01
	Ngữ văn	01			01			01
	Tiếng Anh	04			04			04
	Lịch sử và Địa lí	01			01			01
	Khoa học tự nhiên	01			01			01
	Âm nhạc	01			01			01
	Mĩ thuật	01			01			01
	GDTC	01			01			01
	Tin học – Công nghệ	01			01			01
	Mĩ thuật	01			01			01

Nhân viên	Tổng số	04			03	01		04
	Thư viện				01			01
	Y tế					01		01
	Học vụ				01			01
	Giám thị				01			01

3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Nhà trường có 26 phòng học và có đầy đủ các phòng chức năng. Tất cả các phòng học đều có đủ trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học.

- Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo đầy đủ. Khuôn viên trường lớp xanh sạch đẹp, trang thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ NĂM HỌC 2024 – 2025

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	/	/
Tiêu chí 1.2		x	/	/
Tiêu chí 1.3		x	/	/
Tiêu chí 1.4		x	x	/
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	/	/
Tiêu chí 1.7		x	/	/
Tiêu chí 1.8		x	/	/
Tiêu chí 1.9		x	/	/
Tiêu chí 1.10		x	x	/
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	/
Tiêu chí 2.2		x	x	/
Tiêu chí 2.3		x	x	/
Tiêu chí 2.4		x	x	/
Tiêu chuẩn 3				

Tiêu chí 3.1		x	x	/
Tiêu chí 3.2		x	/	/
Tiêu chí 3.3		x	x	/
Tiêu chí 3.4		x	/	/
Tiêu chí 3.5		x	x	/
Tiêu chí 3.6		x	/	/
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	/	/
Tiêu chí 4.2		x	x	/
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	/
Tiêu chí 5.2		x	/	/
Tiêu chí 5.3		x	/	/
Tiêu chí 5.4		x	/	/
Tiêu chí 5.5		x	/	/
Tiêu chí 5.6		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 1

Kết luận: Trường đạt mức 1

IV. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

- Ủy ban nhân dân Phường Xuân Hòa luôn quan tâm, chăm lo đến sự nghiệp giáo dục của ngành nói chung và Trường TH và THCS Sydney nói riêng, cơ sở vật chất, trang thiết bị ngày càng được tăng cường nhằm đảm bảo cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm với mọi công việc được giao. Học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ học tập của học sinh.

2. Khó khăn

Đội ngũ giáo viên của nhà trường đa số còn trẻ, có tinh thần trách nhiệm và khả năng tiếp cận các phương pháp giáo dục mới; tuy nhiên, kinh nghiệm thực tiễn trong giảng dạy và xử lý tình huống sư phạm chưa thật sự dày dặn. Vì vậy, nhà trường xác định cần tiếp tục tăng cường công tác bồi dưỡng, tập huấn và hỗ trợ chuyên môn nhằm nâng cao kỹ năng, kinh nghiệm và chất lượng giảng dạy trong những năm học tiếp theo.

V. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM HỌC 2024 – 2025

1. Chất lượng giáo dục

- Số học sinh lên lớp cuối năm: 122/122 HS (100%)
- Số học sinh đạt khen thưởng cuối năm: 79/122 HS (65%)
- Về các phẩm chất, năng lực: Đạt và Tốt 122/122 HS (100%)

2. Kỳ thi dành cho học sinh

- Có 01 học sinh đạt giải Đồng kỳ thi Cờ vua cấp Quận cho học sinh THCS
- Có 01 học sinh đạt giải Vàng và 02 học sinh đạt giải Bạc kỳ thi Bơi lội cấp Quận cho học sinh TH và THCS.

3. Công tác bồi dưỡng đội ngũ

- Nhà trường luôn quan tâm đến việc bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên.
- Thực hiện nghiêm túc Điều lệ trường tiểu học; Quy định về đạo đức nhà giáo. Đã tổ chức các lớp tập huấn chuyên môn, kỹ năng ứng xử, giao tiếp hiệu quả cho giáo viên, đặc biệt là các giáo viên mới.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn các giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện những thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.
- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, số hóa quản lý giáo dục và dạy học; tập huấn, bồi dưỡng cho GV về tiếp cận phương pháp, kỹ thuật dạy học tiên tiến trên nền tảng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong trường học, sẵn sàng đáp ứng các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, các hoạt động quản lý nhà trường trên nền tảng kỹ thuật số.
- Tất cả giáo viên đều được bồi dưỡng chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo khối lớp hay môn học mà mình đảm nhiệm.

4. Công tác xây dựng thư viện, thiết bị

- Nhà trường có thư viện dùng chung rộng rãi, trang bị hệ thống sách, tài liệu phong phú, giúp giáo viên và học sinh thuận tiện khi thực hiện việc đọc, nghiên cứu.
- Thư viện được sắp xếp, trang trí, có đủ bàn ghế phù hợp với góc hoạt động để tạo cảm giác thoải mái. Sách được phân loại theo trình độ học và trưng bày trên kệ.
- Trang thiết bị trong thư viện được sắp xếp hợp lý; thư viện có sử dụng phần mềm quản lý thư viện giúp hỗ trợ cho nhân viên thư viện truy xuất thông tin người dùng tài liệu nhanh chóng, chính xác, hiệu quả, hạn chế nhầm lẫn như áp dụng mô hình thư viện truyền thống.
- Mua sắm đầy đủ trang thiết bị dạy học theo chương trình GDPT 2018.

VI. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Đạt mức 2 so với hiện tại	Đẩy mạnh thực hiện 3 công khai theo Thông tư 36/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017; Xây dựng lịch tiếp công dân để kịp thời giải quyết các kiến nghị của GV, PHHS.	Phó Hiệu trưởng, CTCD	Từ năm học 2025-2026 và những năm học sau	Không	Không	
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên							
	Tiêu chí 2.4. Đối với học sinh	Đạt mức 2 so với hiện tại.	Xây dựng kỷ luật nhà trường; duy trì sinh hoạt nề nếp và nội quy đầu giờ.	Phó Hiệu trưởng	Tiếp tục phát huy từ năm học 2025-2026 và những năm tiếp theo	Không	Không	
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							
	Tiêu chí 3.6. Thư viện	Đạt mức 3 so với hiện tại	Mở rộng không gian đọc sách kết hợp không gian văn hóa HCM	Phó Hiệu trưởng, NV thư viện	Tháng 08/2025	Không	Không	

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá

- Hiệu trưởng ban hành Quyết định và phân công nhiệm vụ các thành viên trong hội đồng sư phạm nhà trường tiến hành nghiên cứu các tiêu chuẩn đánh giá.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá năm học 2024-2025. Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá; chỉ đạo các bộ phận, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các đoàn thể, các cá nhân liên quan đến từng tiêu chí, tiêu chuẩn để thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng.

- Phối hợp các đoàn thể, các thành viên hội đồng trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2025-2026. Chỉ đạo bổ sung minh chứng hàng năm theo quy định của từng tiêu chí, tiêu chuẩn. Theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở các thành viên thực hiện đúng tiến độ. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định đối với Ủy ban Nhân dân phường Xuân Hòa.

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt sâu rộng vai trò và ý nghĩa của kiểm định chất lượng giáo dục trong cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh và học sinh. Nhà trường hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá nộp Ủy ban Nhân dân phường Xuân Hòa theo quy định. Cuối mỗi năm học (tháng 5) tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng và báo cáo về Ủy ban Nhân dân phường Xuân Hòa.

- Công khai việc thực hiện cải tiến chất lượng, định kỳ rà soát đảm bảo theo quy định.

2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá

- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch, quy trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo các hoạt động của việc thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục có hiệu quả. Cập nhật hồ sơ, minh chứng theo quy định. thường xuyên rà soát minh chứng bổ sung đầy đủ cho các tiêu chí, tiêu chuẩn.

- Phối hợp các thành viên của tổ, đoàn thể thực hiện tốt kế hoạch thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng, đảm bảo chất lượng giáo dục sau đánh giá ngoài.

- Thu thập minh chứng theo quy định để bổ sung vào các tiêu chí của từng tiêu chuẩn được phân công, nhất là các tiêu chí chưa đạt yêu cầu, thực hiện đầy đủ các phiếu đánh giá tiêu chí, danh mục mã minh chứng ... theo quy định.

- Tham mưu để thực hiện tốt cải tiến chất lượng các tiêu chí đảm bảo duy trì trường đạt chuẩn theo tiêu chí.

3. Tổ Giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng (báo cáo định kỳ và kiến nghị dựa trên kết quả giám sát).

- Tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện một cách linh hoạt, sáng tạo để đạt kết quả cao nhất.

- Phối kết hợp trong việc thực hiện tốt các nhiệm vụ, duy trì kết quả đã đạt được, phát huy có hiệu quả tốt.

- Thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng liên quan đến các nhiệm vụ được phân công; hoàn thiện các loại hồ sơ quy định theo các tiêu chí để bổ sung các minh chứng cho từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

4. Cán bộ, giáo viên, nhân viên

- Đối với từng cán bộ, giáo viên, nhân viên xác định việc đổi mới, cải tiến các hoạt động giáo dục để nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài của chính bản thân mình.

- Tham gia nghiên cứu các tiêu chuẩn theo sự phân công của hiệu trưởng. Rà soát các minh chứng và cập nhật đầy đủ theo tiêu chuẩn. Thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng liên quan đến các nhiệm vụ được phân công; hoàn thiện các loại hồ sơ quy định theo các tiêu chí để bổ sung các minh chứng cho từng tiêu chí của các tiêu chuẩn.

- Phối kết hợp tốt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, lĩnh vực mình phụ trách tạo chuyển biến tốt cho nhà trường.

- Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ cải tiến chất lượng, phát huy phẩm chất nhà giáo, khắc phục khó khăn thực hiện nhiệm vụ và đổi mới giáo dục.

- Thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo yêu cầu của Chủ tịch hội đồng TĐG và các thành viên Hội đồng tự đánh giá.

- Tham gia giám sát kế hoạch cải tiến chất lượng của nhà trường theo đúng tiến độ.

Nơi nhận:

- UBND Phường Xuân Hòa (để b/c);
- Hội đồng tự đánh giá;
- Lưu VT.



Vũ Thị Mai Hương

